**Phụ lục**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã**  **hồ sơ** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **Ghi chú** |
| 1 | 1.004179 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw. |  |
| 2 | 1.004167 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw. |  |
| 3 | 1.004167 | Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw. |  |
| 4 |  | Trả lại giấy phép *(Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw).* |  |
| 5 | 1.001740 | Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến *(đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh).* |  |
| 6 | 1.001740 | Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến *(đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh).* |  |

**PHẦN II: NỘI DUNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  *(ngày làm việc)* |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận Một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang (Trung tâm PVHCC tỉnh) có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Tài nguyên khoáng sản (Phòng TNKS)  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo cho tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp đủ điều kiện: trình cấp phép.  - Trường hợp không đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lại hồ sơ gửi cho tổ chức/cá nhân, thông báo lý do.  - Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo: gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.  - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: gửi cho tổ chức/cá nhân văn bản thông báo nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. | Chuyên viên Phòng TNKS | 26 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn bản xử lý của Chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT). | Lãnh đạo Phòng TNKS | 2 ngày |
| Bước 5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh. | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 8 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **36 ngày** |

**\* Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw (Hồ sơ bổ sung)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  *(ngày làm việc)* |
| Bước 1 | Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ bổ sung; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng TNKS.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo cho tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Thẩm định hồ sơ bổ sung:  - Trường hợp đủ điều kiện: trình cấp phép.  - Trường hợp không đủ điều kiện: trả lại hồ sơ cho tổ chức/cá nhân đề nghị và thông báo lý do trả lại. | Chuyên viên Phòng TNKS | 8,5 ngày |
| Bước 3 | Xem xét văn bản trình của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 2 ngày |
| Bước 4 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển Văn thư Sở phát hành. | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 5 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh. | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 6 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
|  | - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
|  | - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 7 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **18 ngày** |

**2. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  *(ngày làm việc)* |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận Một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TNKS.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo cho tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp đủ điều kiện: trình cấp phép.  - Trường hợp không đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lại hồ sơ gửi cho tổ chức/cá nhân, thông báo lý do.  - Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo: gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.  - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo: gửi cho tổ chức/cá nhân văn bản thông báo nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc. | Chuyên viên Phòng TNKS | 21 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn bản xử lý của Chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 2 ngày |
| Bước 5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý, chuyển Văn thư phát hành. | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh. | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 8 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **31 ngày** |

**\* Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw (Hồ sơ bổ sung)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  *(ngày làm việc)* |
| Bước 1 | Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ bổ sung; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng TNKS.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo cho tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Thẩm định hồ sơ bổ sung:  - Trường hợp đủ điều kiện: trình cấp phép.  - Trường hợp không đủ điều kiện: trả lại hồ sơ cho tổ chức/cá nhân đề nghị và thông báo lý do trả lại. | Chuyên viên Phòng TNKS | 8,5 ngày |
| Bước 3 | Xem xét văn bản trình của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 2 ngày |
| Bước 4 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển Văn thư Sở phát hành | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 5 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 6 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 7 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **18 ngày** |

**3. Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  (ngày làm việc) |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận Một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TNKS.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: thông báo cho tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định: trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp đủ điều kiện: trình cấp lại giấy phép.  - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại: trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép | Chuyên viên Phòng TNKS | 9 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn bản xử lý của Chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 1 ngày |
| Bước 5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý, chuyển Văn thư phát hành | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | **UBND tỉnh** |  | 3 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 8 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **16 ngày** |

**4. Trả lại giấy phép** *(Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác từ 1,0 m3/giây đến dưới 2,0 m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  *(ngày làm việc)* |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận Một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TNKS. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Lãnh đạo Phòng Tài nguyên khoáng sản chuyển phân công cho Chuyên viên xử lý và thẩm định hồ sơ. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, tham mưu văn bản hướng dẫn một lần cho tổ chức/cá nhân để bổ sung, hoàn thiện theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, báo cáo Lãnh đạo phòng để trình Lãnh đạo Sở ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước | Chuyên viên Phòng TNKS | 5 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn bản xử lý của Chuyên viên trình, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 1 ngày |
| Bước 5 | Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý, chuyển Văn thư phát hành | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | **UBND tỉnh** |  | 1,5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 8 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | Không tính thời gian |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **10 ngày** |

**5. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến** *(đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  (ngày làm việc) |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận Một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TNKS | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ; tham mưu xây dựng dự thảo văn bản xin ý kiến, văn bản mời họp | Chuyên viên Phòng TNKS | 7,5 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn xin ý kiến, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng TNKS | 1 ngày |
| Bước 5 | Xem xét, ký văn bản xin ý kiến, mời họp góp ý | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển văn bản đến các cơ quan liên quan | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | Cho ý kiến góp ý; tham gia họp cho ý kiến | Các cơ quan liên quan | 11 ngày |
| Bước 8 | Tổng hợp ý kiến góp ý; xây dựng văn bản trình UBND tỉnh | Chuyên viên Phòng TNKS | 10 ngày |
| Bước 9 | Xem xét kết quả tổng hợp của chuyên viên trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường. | Lãnh đạo Phòng TNKS | 1 ngày |
| Bước 10 | Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 11 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 0,5 |
| Bước 12 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 13 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **40 ngày** |

**6. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến** *(đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị/ Cá nhân thực hiện** | **Thời hạn**  (ngày làm việc) |
| Bước 1 | Công chức Bộ phận Một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm PVHCC tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TNKS | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
| Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNKS | 0,5 ngày |
| Bước 3 | Thẩm định hồ sơ; tham mưu xây dựng dự thảo văn bản xin ý kiến, văn bản mời họp | Chuyên viên Phòng TNKS | 10 ngày |
| Bước 4 | Xem xét văn xin ý kiến, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Phòng TNKS | 1 ngày |
| Bước 5 | Xem xét, ký văn bản xin ý kiến, mời họp góp ý | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 6 | Phát hành văn bản; chuyển văn bản đến các cơ quan liên quan | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 7 | Cho ý kiến góp ý; tham gia họp cho ý kiến | Các cơ quan liên quan | 20 ngày |
| Bước 8 | Tổng hợp ý kiến góp ý; xây dựng văn bản trình UBND tỉnh | Chuyên viên Phòng TNKS | 16,5 ngày |
| Bước 9 | Xem xét kết quả tổng hợp của chuyên viên trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | Lãnh đạo Phòng TNKS | 3 ngày |
| Bước 10 | Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở TNMT | 1 ngày |
| Bước 11 | Phát hành văn bản; chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 0,5 ngày |
| Bước 12 | **UBND tỉnh** |  | 5 ngày |
|  | - Văn thư Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ TTHC, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh để phân công bộ phận chuyên môn xử lý. |  |  |
| - Chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo Văn phòng, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt. |
| - Văn thư Văn phòng lấy số văn bản, hoàn thiện kết quả TTHC kèm theo hồ sơ (nếu có) chuyển đến Trung tâm PVHCC tỉnh. |
| Bước 13 | - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.  - Thống kê và theo dõi. | Công chức Bộ phận Một cửa | 0,5 ngày |
|  | **Tổng thời gian giải quyết TTHC** |  | **60 ngày** |